TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **06**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2025
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Luyện

Ông Nguyễn Chí Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2024/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1996; Nơi thường trú: khu A, xã P, huyện P, tỉnh P; Nơi ở hiện nay: khu F, xã T, huyện P, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1988; Nơi thường trú: khu A, xã P, huyện P, tỉnh P.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc M đăng kết hôn tự nguyện ngày 17/10/2022 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khi 1, xã P, huyện P, tỉnh P. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh M thường xuyên đe doạ và đánh chị nhiều lần gây cho chị nhiều áp lực về thể xác và tinh thần. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay,

chị chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại khu F, xã T, huyện P, tỉnh P. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 25/06/2023.

Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu T cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị đề nghị anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền 2.000.000đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

** Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc M trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí như chị N trình bày về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, thời gian chị N chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Về mâu thuẫn của vợ chồng thì anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân liên quan đến vấn đề con cái dẫn đến vợ chồng có cãi vã và xảy ra xô sát. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh. Quan điểm của trong quá trình giải quyết vụ án anh M không đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 25/06/2023. Khi ly hôn anh nhất trí để cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu T cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N đề nghị anh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N số tiền 2.000.000đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng. Quan điểm của anh do hiện nay anh đang là lao động tự do thu nhập không ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng của anh từ 5.000.000đồng đến 6.000.000 đồng nên anh không đồng ý cấp dưỡng theo đề nghị của chị N.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Bị đơn thay đổi một phần quan điểm, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc M.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 25/06/2023 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Ngọc M phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị N số tiền 2.000.000đồng /01 tháng kể từ tháng 3/2025 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không xem xét.

- Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Buộc anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh P nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc M đăng kết hôn tự nguyện ngày 17/10/2022 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh P. Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Xét thấy chị N và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh M đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Chị N xác định tình cảm không còn nên chị

xin được ly hôn với anh M. Quá trình giải quyết vụ án anh M không đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Anh M muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, tại phiên toà, anh M có quan điểm đồng ý ly hôn với chị N.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh M là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh chị là phù hợp theo quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung:

Chị N và anh M thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 25/06/2023. Tính đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm thì cháu T vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi. Hiện nay, cháu T đang sống cùng với chị N.

Khi ly hôn chị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu T cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được. Anh M có quan điểm nhất trí để cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự túc được. Xét thấy đây là sự tự nguyện thoả thuận giữa các đương sự không trái quy định của pháp luật. Do vậy, cần giao con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 25/06/2023 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N đề nghị anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền 2.000.000đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng. Tại phiên toà anh M có quan điểm do hiện nay anh đang là lao động tự do thu nhập không ổn định, thu nhập bình quân một tháng của anh chỉ từ 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng nên anh không đồng ý cấp dưỡng theo đề nghị của chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N cung cấp và trình bày mức chi phí trung bình 01 tháng nuôi cháu T là 5.815.000đồng/tháng (bao gồm tiền sữa, bỉm, thuốc bổ, thức ăn, thuốc khi đau ốm), xét thấy những chi phí này là hợp lý.

Do anh M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng của anh M. Toà án đã tiến hành xác minh tại UBND xã P, huyện P, tỉnh P về thu nhập của người lao động tự do trên địa bàn xã P là 200.000đ/1 người/1 ngày. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì huyện P thuộc vùng III, mức lương tối thiểu tháng của người lao động là 3.860.000đ/tháng.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình quy định "…*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào*

thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con...".

Trong vụ án này, anh M là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: "cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Hiện nay con chung của chị N, anh M còn bé để đảm bảo việc phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của con thì yêu cầu của chị N buộc anh M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Buộc anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/01 tháng từ khi xét xử sơ thẩm tháng 3 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc M đều xác định không đề nghị giải quyết vì vậy chưa giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị N, anh M chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tại phiên toà là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 25/06/2023 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Ngọc M phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị N số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 3/2025 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc M đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

4. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001377 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Trả lại cho chị N số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã P, huyện P;
- Lưu VP, HSVA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Việt Hưng